

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 640/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020, giữa :

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm: 1983; địa chỉ: 40/11/69 đường L, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm: 1983; địa chỉ: 40/11/69 đường L, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 6 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Nguyễn Văn K.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Văn Chí K, sinh ngày 19/8/2011 cho anh Nguyễn Văn K trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi; giao cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 10/11/2015 cho chị Nguyễn Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Hai bên tạm thời không cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự

và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2.2 Về tài sản chung: Anh K và chị T đã tự thỏa thuận được với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3 Về nợ chung: Đối với khoản nợ chung gồm 102.000.000 đồng mà vợ chồng anh K, chị T vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu đã được thanh toán xong vào ngày 09/01/2021, nên anh K chị T không yêu cầu giải quyết về nợ chung.

Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu không có yêu cầu độc lập.

2.4 Về án phí ly hôn: gồm 150.000 đồng. Chị Nguyễn Thị Thu T tự nguyện chịu toàn bộ án phí. Chị T đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số AA/2016/0000747 ngày 24/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Hoàn trả cho chị T 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TTHuế;
 - VKSND thành phố Huế;
 - Chi cục Thi hành án TP Huế;
 - Đương sự;
 - UBND phường T, TP Huế.
- ĐKKH số 49 ngày 15/6/2010;**
- Lưu hồ sơ, lưu dân.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Huế